

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

HỘI KHOA HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam.
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Rural Development Science Association.
- Tên viết tắt là: PHANO
- Biểu tượng (logo) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (nếu có) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam (PHANO) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện được thành lập vào năm 2006. Hội tập hợp đông đảo các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ, doanh nghiệp cùng những cá nhân có tâm huyết, cùng nhau hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường và thực hiện các dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường theo quy định của pháp luật. Sứ mệnh cốt lõi của PHANO là ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ, nâng cao tri thức và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững của khu vực nông thôn Việt Nam. Hội đóng vai trò là cầu nối quan trọng giữa nghiên cứu khoa học hàn lâm và thực tiễn sản xuất, qua đó góp phần cải thiện đời sống của người dân và kiến tạo diện mạo nông thôn mới ngày càng văn minh, hiện đại, đồng thời bảo vệ và quản lý bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

2. Mục đích hoạt động của Hội là tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động, sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại số nhà 1, Ngõ 186, Đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

3. Hội có thể đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, môi trường và các dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động và các Bộ, ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền hạn của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội và được cung cấp thông tin, phổ biến cho hội viên về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ hội viên trong hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, hội nghị, hội thảo, khuyến khích hợp tác, liên kết giữa các hội viên của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách theo đề nghị của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

7. Thành lập và chịu trách nhiệm quản lý chặt chẽ, toàn diện về tổ chức, hoạt động của các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật

và Điều lệ Hội phù hợp với tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của Hội. Quy chế hoạt động và nhân sự chủ chốt của các pháp nhân trực thuộc Hội do Lãnh đạo Hội quyết định. Báo cáo Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động chính của Hội và Bộ Nội vụ về việc thành lập tổ chức pháp nhân theo quy định của pháp luật.

8. Tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động.

9. Tổ chức, tham gia, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong ngành, lĩnh vực, các dịch vụ theo quy định của pháp luật và được cấp chứng nhận chuyên môn hoặc chứng chỉ khác liên quan đến ngành, lĩnh vực hoạt động của Hội khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

10. Thu hội phí của hội viên và hoạt động tạo nguồn thu từ kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

11. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

12. Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Nhà nước giao (nếu có).

13. Gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Hội hoạt động và Bộ Nội vụ về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

14. Khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng các hội viên theo quy định tại Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

15. Tham gia xuất bản sách, tạp chí, tập san, bản tin, các ấn phẩm và trang thông tin điện tử liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

16. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực Hội hoạt động, Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện tổ chức, hoạt động của các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội, tổ chức thuộc Hội để làm cơ sở tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

5. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội. Báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động hàng năm của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội, tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội, hội viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và báo cáo kết quả giải quyết với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định. Trong trường hợp, Hội không tự giải quyết được các tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

8. Xây dựng, ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội và quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Cập nhật tình hình tổ chức, hoạt động của Hội vào cơ sở dữ liệu về hội và thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

10. Thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Các tổ chức, công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam, tự nguyện nộp đơn gia nhập Hội, được Hội xem xét, quyết định kết nạp;

b) Hội viên liên kết: Tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện tham gia hoạt động Hội hoặc không có đủ tiêu chuẩn để trở thành hội viên chính thức của Hội, nhưng có đóng góp tích cực cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia Hội, được Hội xem xét, công nhận.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức nhưng có uy tín, tâm huyết, có nhiều đóng góp công sức, trí tuệ đối với sự phát triển hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường Việt Nam và Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam được Hội xem xét, mời làm hội viên danh dự của Hội.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Tiêu chuẩn hội viên tổ chức: Các tổ chức Việt Nam đang hoạt động trong hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường, dịch vụ liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường được thành lập theo quy định của pháp luật, trong đó có các doanh nghiệp, hợp tác xã, các hội, Hội có hoạt động liên quan đến nông nghiệp ở các tỉnh thành, phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là hội, Hội nông nghiệp tỉnh được thành lập và phê duyệt Điều lệ theo quy định của pháp luật). Người đại diện hội viên tổ chức tham gia Hội là công dân Việt Nam. Trường hợp hội viên tổ chức có thay đổi người đại diện thì phải có văn bản gửi Hội theo quy định của Hội.

b) Tiêu chuẩn hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoạt động trong hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường, liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn và môi trường tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội.

Điều 9. Quyền lợi của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được đề cử dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo khác của Hội theo quy định của Hội.

5. Được cấp Thẻ hoặc Giấy chứng nhận hội viên và được khen thưởng theo quy định của Hội.

6. Được tham gia các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Được Hội giúp đỡ, hỗ trợ đối với các công trình nghiên cứu, các sáng kiến phát minh trong nghề, bảo vệ quyền lợi trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

8. Được quyền xin ra khỏi Hội theo các thủ tục quy định tại quy chế và Điều lệ Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định tại Điều lệ này; thực hiện các nghị quyết của Hội; tuyên truyền phát triển hội viên mới.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí theo quy định của Hội. Hội viên danh dự không phải đóng hội phí.

6. Bảo vệ danh dự, quyền lợi của Hội và hội viên trong Hội khi hoạt động nghề nghiệp và công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Tích cực tuyên truyền và phát triển hội viên mới.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; chấm dứt tư cách hội viên

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, công nhận hội viên:

a) Các tổ chức, công dân Việt Nam được quy định tại Điều 8 Điều lệ này có nguyện vọng gia nhập Hội, nộp hồ sơ kết nạp hội viên để Ban Thường vụ xem xét, quyết định;

b) Hồ sơ kết nạp hội viên gồm có:

- Đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu quy định);

- Tờ khai thông tin trích ngang (theo mẫu do Hội quy định);
- Đối với hội viên tổ chức: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc Điều lệ; Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có); Văn bản cử đại diện của tổ chức;
- Đối với hội viên cá nhân: Căn cước công dân (bản sao).

2. Thủ tục, thẩm quyền chấm dứt tư cách hội viên:

a) Tư cách hội viên đương nhiên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Hội chấm dứt hoạt động theo quy định;
- Bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Hội viên là tổ chức bị phá sản. Trường hợp hội viên tổ chức bị đình chỉ hoạt động thì quyền hội viên của tổ chức sẽ bị đình chỉ cho đến khi tổ chức này được hoạt động trở lại theo quy định của pháp luật;
- Hội viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng bị Tòa án kết án;
- Hội viên cá nhân qua đời.

b) Hội viên tự nguyện xin tự rút khỏi Hội gửi đơn đến Ban Thường vụ xem xét giải quyết theo Điều lệ và quy định của Hội;

c) Hội viên bị đình chỉ, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khai trừ và chấm dứt theo quyết định của Ban Thường vụ Hội khi hội viên đó thuộc một trong các trường hợp sau:

- Hội viên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, uy tín, tài sản và tài chính của Hội;
- Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, các quy chế của Hội;
- Hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam gây hậu quả nghiêm trọng, bị truy tố trách nhiệm hình sự hoặc bị cơ quan có thẩm quyền kết án theo quy định của pháp luật;
- Không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của hội viên, không đóng hội phí từ 02 (hai) năm trở lên mà không có lý do chính đáng.

c) Hội viên bị chấm dứt tư cách (nếu có) phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác phát sinh trước thời điểm bị chấm dứt tư cách hội viên và phải trả lại Thẻ hoặc Giấy chứng nhận hội viên trước khi ra khỏi Hội.

3. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể về hồ sơ, biểu mẫu, trình tự liên quan đến việc kết nạp, đình chỉ, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt tư cách và xóa tên hội viên phù hợp với Điều lệ và Quy chế do Ban Chấp hành ban hành.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc;
2. Ban Chấp hành;
3. Ban Thường vụ;
4. Ban Kiểm tra;
5. Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn;

6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; các liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội (nếu có) là các tổ chức cơ sở không có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng được thành lập theo Điều lệ Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm 01 (một) lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức đối với Đại hội toàn thể hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số Đại biểu chính thức có mặt đối với Đại hội đại biểu.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, quy chế Đại hội, quy chế bầu cử;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của Hội; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo kiểm điểm Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội;

d) Thông qua việc đổi tên Hội (nếu có) và việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;

đ) Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có);

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của Hội; đề cử, ứng cử và bầu vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

g) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

h) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định hoặc theo quy định của Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Đại biểu chính thức được triệu tập tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ Đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của các ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế hoạt động của Ban Thường vụ; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy chế giải quyết đơn, thư kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; Quy chế quản lý hội viên; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội, các quy chế và quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra (kể cả ủy viên Ban Chấp hành, Ban kiểm tra được bổ sung giữa nhiệm kỳ) không được vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức liên quan trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật để góp phần phát triển Hội;

g) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 01 (một) năm 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc yêu cầu của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc

qua nền tảng ứng dụng trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Chấp hành quyết định;

c) Cuộc họp của Ban Chấp hành hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành Hội quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên trong Ban Chấp hành Hội biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

i) Quyết định các vấn đề khác, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội.

4. Ban Chấp hành quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đảm bảo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội;

d) Thực hiện việc kết nạp, khai trừ và xóa tên hội viên; khen thưởng, kỷ luật hội viên theo Điều lệ, quy chế hoặc quy định do Ban Chấp hành ban hành;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp thường kỳ 03 (ba) tháng (01) một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc qua nền tảng ứng dụng

trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ Hội biểu quyết tán thành;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu ra. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội, hội viên, các đơn vị, tổ chức thuộc và trực thuộc Hội đã được quy định trong Quy chế giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Tổng hợp, đề nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp Hội không giải quyết được thì chuyển Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động theo nguyên tắc độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

b) Hoạt động của Ban Kiểm tra theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

c) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra Hội hoặc khi có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm tra do Ban Kiểm tra quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra Hội biểu quyết tán thành.

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến Ban Kiểm tra bằng văn bản.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Điều kiện, tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định và đảm bảo các yếu tố sau:

a) Tiêu chuẩn:

- Chấp hành và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

- Có uy tín và hiểu biết về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động;

- Có quốc tịch Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích.

b) Điều kiện: Không giữ chức danh Chủ tịch quá 02 Hội hoặc Hội; Không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội; trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

3. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng, tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định phù hợp với quy định của pháp luật. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền

hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch được miễn nhiệm trong các trường hợp: không đủ sức khỏe; không đủ năng lực và uy tín để hoàn thành nhiệm vụ; theo yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền; nhân sự có đơn xin từ chức vì lý do cá nhân khi hết nhiệm kỳ;

b) Chủ tịch và Phó Chủ tịch bị bãi nhiệm khi có kết luận của cấp có thẩm quyền về vi phạm pháp luật và Điều lệ nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động của Hội hoặc bị Toà án kết án có tội;

c) Khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch phải đồng thời bầu Chủ tịch khác để thay thế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội hoặc phân công người điều hành hoạt động của Hội trong thời gian chưa bầu được Chủ tịch Hội.

5. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch:

a) Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội bị đình chỉ trong các trường hợp: vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy chế, quy định của Hội; bị tạm giam, tạm giữ để điều tra xét xử theo quy định của pháp luật;

b) Ban Chấp hành quy định cụ thể hành vi vi phạm, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đình chỉ công tác, cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Tổng thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội về việc quản lý, điều hành các hoạt động của Văn phòng Hội. Tiêu chuẩn Tổng Thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Thư ký do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch Hội phân công thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế được Ban Chấp hành Hội thông qua, cụ thể:

a) Tham gia xây dựng các quy chế quản lý và hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội;

b) Giúp Chủ tịch Hội chuẩn bị các báo cáo, nội dung các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội;

d) Tổng hợp báo cáo hàng năm, báo cáo hoạt động nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội và xây dựng hồ sơ Đại hội của Hội;

đ) Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Hội về quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Văn phòng Hội theo quy định của Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội, thực hiện công việc hành chính tổng hợp, kế toán tài chính của Văn phòng Hội theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế công việc, Ban Thường vụ Hội thành lập các ban chuyên môn giúp việc để thực hiện các lĩnh vực công tác của Hội.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của Văn phòng, các Ban chuyên môn do Ban Chấp hành Hội quy định.

4. Việc tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động đối với nhân sự làm việc tại Văn phòng và các ban chuyên môn, các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội do Hội và các tổ chức này xem xét, quyết định theo Điều lệ, quy chế, quy định của Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 21. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định của pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật;

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có);
- Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật;

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể thì Hội kiểm kê, phân loại tài sản để xác định việc xử lý tài sản:

- Đối với tài sản của Hội là tài sản công thì việc quản lý, sử dụng, xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về tài sản công;

- Đối với tài sản của Hội được hình thành từ nguồn tự có của Hội thì việc quản lý, sử dụng và xử lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội:

a) Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội;

b) Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật về hội và pháp luật có liên quan.

c) Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê:

a) Hội phải tổ chức công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của Luật Kế toán, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; hạch toán kế toán và các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội; đăng ký mã số thuế, kê khai thuế theo quy định;

- Mở sổ kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính, tài sản có liên quan đến Hội (phản ánh, theo dõi chi tiết số thu, chi tiền, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, viện trợ, tài trợ và các khoản thu, chi khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội);

- Lập đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính, quyết toán năm đối với nguồn kinh phí do Nhà nước cấp gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội;

- Lập đầy đủ hồ sơ tài liệu chứng từ khác có liên quan theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

b) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về việc thu, chi, quản lý và sử dụng đối với tài chính, tài sản do nhà nước cấp của cơ quan tài chính cùng cấp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội hoặc cơ quan tài chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội và cơ quan kiểm toán có thẩm quyền;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương VII **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội, hội viên, người làm việc tại Hội có nhiều thành tích, có đóng góp tích cực vào sự phát triển của Hội và của ngành gia cầm được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự thủ tục và thẩm quyền khen thưởng, biểu dương, tôn vinh tập thể, cá nhân (cán bộ, hội viên, người lao động) trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội do Hội xem xét, kỷ luật bằng các hình thức theo quy định của Hội: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức đến khai trừ khỏi Hội hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất, tài sản, tài chính của Hội, của các hội viên khác thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua khi được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải được Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam hoàn thiện đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (nhiệm kỳ 2025-2030) của Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam thông qua ngày ... tháng ... năm 2025 tại thành phố Hà Nội và chính thức có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 469/QĐ-BNV ngày 5 tháng 06 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khoa học Phát triển Nông thôn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.